

**VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM (ĐK 05)***(Vietnam Metrology Institute)*

Địa chỉ (Add.): Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,  
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): (84-024) 37914876; Fax: (84-024) 37564260

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
*(Calibration Certificate)***Số (No): V10.CN5.2406.24**

Tên đối tượng (Object): **Bể điều nhiệt**  
*(Liquids Bath)*

Kiểu (Type): **AD07R-20-A12E** Số (Serial No.): **2D1610641**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **PolyScience**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range):  **$-20 \div 200$  °C**  
Độ phân giải (Resolution): **0,01 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Đảm bảo chất lượng Việt Nam**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **VMI-CP 43:2015**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):  
Nhiệt kế điện trở chuẩn SPRT (SPRTs), 5681/Hart Scientific/USA,  $U_{95} = 0,002$  °C  
Cầu đo điện trở (High Precision Bridge) 1590/Hart Scientific/USA;  $U_{95} = 6$  ppm  
Chuẩn được liên kết đến hệ đơn vị quốc tế SI  
*(Standards are traceable to the International System of units SI)*

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau** *(The result of the calibration on the next page)*

Ngày hiệu chuẩn đề nghị tới (Recalibration recommended): **31-10-25**

Hà Nội, Ngày 03 tháng 10 năm 2024  
*(Date of Issue)*

**P. Trưởng phòng thí nghiệm**  
*(Head of calibration Laboratory)*

**Nguyễn Việt Phương****VILAS 072**

**VIỆN TRƯỞNG**  
*(Director)*

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG****Nguyễn Anh Sơn**

Trang: **1/2**  
*(No of pages)*

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam**  
*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)*

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

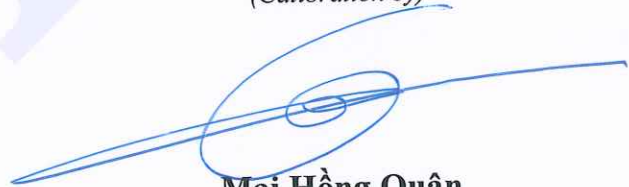
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): V10.CN5.2406.24

Nhiệt độ chuẩn (Standard) (°C)	Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ ổn định (Stability) (°C)	Độ đồng đều (Uniformity) (°C)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) P = 95%CL, k = 2 (°C)
-18,32	-18,50	+0,18	±0,01	±0,01	0,03
0,13	0,00	+0,13	±0,01	±0,01	0,03
5,10	5,00	+0,10	±0,01	±0,01	0,03
20,05	20,00	+0,05	±0,01	±0,01	0,03
30,04	30,00	+0,04	±0,01	±0,01	0,03
70,03	70,00	+0,03	±0,01	±0,01	0,03
100,06	100,00	+0,06	±0,01	±0,01	0,03
121,15	121,00	+0,15	±0,01	±0,01	0,03
140,20	140,00	+0,20	±0,01	±0,01	0,03
160,25	160,00	+0,25	±0,01	±0,01	0,03
170,30	170,00	+0,30	±0,01	±0,01	0,03

- Điều kiện môi trường hiệu chuẩn:
  - Nhiệt độ: (22,0 ~ 23,5) °C ;
  - Độ ẩm tương đối: (50,5 ~ 57,6) %R.H

- 1 Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Người hiệu chuẩn  
(Calibration by)



Mai Hồng Quân



Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)